

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Nhân khoa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN ĐÌNH NGÂN

2. Ngày tháng năm sinh: 04/04/1977 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh.....; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): số 1, dãy C17, tổ 9, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): số 1, dãy C17, tổ 9, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 02436884931; Điện thoại di động: 0912041104; E-mail: ngan.ophtal@ gmail.com (hoặc ngan.ophtal@vmmu.edu.vn).....

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2002 đến năm 2006: Bác sỹ nội trú chuyên ngành Nhân khoa, Học Viện Quân Y

Từ năm 2006 đến năm 2007: Bác sỹ điều trị, Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 103

Từ năm 2007 đến năm 2008: Bác sỹ đi thực tế tại Bệnh viện Quân y 17, Quân khu V

Từ năm 2008 đến năm 2014: Bác sỹ điều trị, giảng viên, Bộ môn – Khoa Mắt, Bệnh viện Quân Y 103

Từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 11 năm 2016: Chủ nhiệm khoa Mắt, Bệnh viện Quân Y 103, kiêm Phụ trách chủ nhiệm Bộ môn Mắt, Học viện Quân Y

Từ tháng 11 năm 2016 đến nay: Chủ nhiệm Bộ môn Mắt, Học viện Quân Y, kiêm Chủ nhiệm khoa Mắt, Bệnh viện Quân Y 103

Chức vụ: Hiện nay: Chủ nhiệm Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ nhiệm Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Quân Y 103, Học viện Quân Y

Địa chỉ cơ quan: 261 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 069566546.....

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 10 năm 2002, ngành: Y, chuyên ngành: Bác sỹ đa khoa

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Quân y, Việt Nam

- Được cấp bằng BS CK1 (hệ đào tạo bác sỹ nội trú) ngày 8 tháng 2 năm 2007, ngành: Y, chuyên ngành: Nhân khoa. Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Quân y, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 04 năm 2007, ngành: Y học, chuyên ngành: Nhân khoa

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Học viện Quân y, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 10 tháng 03 năm 2015, ngành: Y học, chuyên ngành: Nhân khoa

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Quân y

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Các bệnh lý của kết, giác mạc và bề mặt nhãn cầu nói chung và các kỹ thuật ghép màng ối, tấm biểu mô nuôi cấy điều trị bệnh lý bề mặt nhãn cầu, ghép giác mạc.

- Điều trị và kiểm soát cận thị bằng kính tiếp xúc cứng thấm khí đặt ban đêm (orthokeratology, Ortho-K).

- Bệnh lý glôcôm, đặc biệt là glôcôm góc đóng cấp tính, đặc điểm lâm sàng và các phương pháp điều trị mới hiện nay

- Một số bệnh lý khác như các bệnh lý hoàng điểm (thoái hoá hoàng điểm tuổi, phù hoàng điểm do các nguyên nhân khác nhau, màng trước võng mạc), đục thể thủy tinh (sử dụng các loại thể thủy tinh nhân tạo cao cấp như thể thủy tinh điều trị loạn thị, thể thủy tinh hai tiêu, ba tiêu, thể thủy tinh kéo dài tiêu điểm)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04 cấp Học viện Quân Y;

- Đã công bố (số lượng) 45 bài báo KH, trong đó 06 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 04, trong đó 04 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở (4 năm: 2010, 2014, 2016, 2017)
- Giảng viên giỏi Học viện Quân y các năm học: 2012 – 2013, 2013 – 2014, 2014 – 2015, 2015 – 2016, 2016 – 2017, 2018 – 2019.
- Giảng viên giỏi Bộ Quốc phòng năm 2019.
- Giải Ba (loại 3) sáng kiến kỹ thuật Bộ Quốc phòng năm 2019 ký ngày 18/12/2019
- Hướng dẫn nhóm sinh viên đạt giải Nhất hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học Học viện Quân y năm 2017 và giải Nhất giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bằng khen của Ban chấp hành Trung ương đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh ký ngày 07/05/2012 vì đạt gia Ba Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường ĐH, CĐ Y – Dược Việt Nam.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký ngày 24/05/2018 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2016 đến năm 2017, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký ngày 18/12/2019 vì đã có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong 2 năm 2018, 2019, ứng dụng vào thực tiễn có hiệu quả, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về tư tưởng, đạo đức, tác phong: luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức, giữ gìn lối sống trong sạch, khiêm tốn, trung thực, giản dị. Có lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Xây dựng và giữ gìn mối đoàn kết thống nhất nội bộ trong đơn vị.

Tích cực với nhiệm vụ giảng dạy, đảm bảo chất lượng dạy học, chấp hành nghiêm túc các quy chế của quá trình đào tạo như quy chế giảng dạy, quy chế đánh giá chất lượng học viên. Trên cương vị chủ nhiệm Bộ môn tích cực tham gia xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo bác sỹ đa khoa, bác sỹ nội trú tiên tiến chuyên ngành Nhân khoa tại Học viện Quân y.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Chủ nhiệm 04 đề tài cơ sở đã nghiệm thu. Hiện đang đồng chủ nhiệm 01 đề tài cấp thành phố Hà Nội. Tích cực hướng dẫn bác sỹ trẻ và sinh viên nghiên cứu khoa học, đạt giải cao trong Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa

học của Học viện Quân y và giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tích cực triển khai các kỹ thuật mới cũng như áp dụng tiên bộ khoa học trong chẩn đoán, điều trị tại Khoa Mắt, Bệnh viện Quân y 103 để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo lâm sàng.

Thường xuyên tự học nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, cập nhật kiến thức bài giảng để đảm bảo chất lượng đào tạo học viên đại học và sau đại học.

Tóm lại, tôi tự đánh giá mình trong những năm qua đã hoàn thành tốt nhiệm vụ về đào tạo, điều trị và nghiên cứu khoa học, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của giảng viên.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số : 10 năm (từ tháng 12/2009).

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014 - 2015					290	160	450/460/238
2	2015 – 2016					285	170	455/530/216
3	2016 – 2017			03		310	115	425/550/216
3 năm học cuối								
4	2017 – 2018					265	130	395/425/216
5	2018 – 2019					320	210	530/565/216
6	2019 – 2020			01		275	180	455/535/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ (nay là Đại học Hà Nội) cấp bằng Cử nhân chuyên ngành Tiếng Anh, số bằng: B231680; năm cấp: 2003

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngoại ngữ, ngành Tiếng Anh (2003)

Chứng chỉ B2 (2016) do Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia cấp

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Cường		X	X		7/2016 – 1/2017	Học viện Quân Y	23/10/2017 Số A176554
2	Võ Thị Hằng		X	X		7/2016 – 9/2017	Học viện Quân Y	23/10/2017 Số A176551
3	Nguyễn Văn Thắng		X	X		4/2017 – 9/2017	Học viện Quân Y	23/10/2017 Số A176509
4	Vũ Thế Kỳ		X	X		11/2019	Nay	Chưa bảo vệ

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi bảo vệ luận án Tiến sỹ							
1	Hướng dẫn chăm sóc bệnh nhân sau mổ	TK	NXB Y học, 2011	10	Tham gia	101 - 124	2479/QĐ-HVQY
II Sau khi bảo vệ luận án Tiến sỹ							
2	Bệnh đục thể thủy tinh - Chẩn đoán và điều trị	TK	NXB Y học, 2019	03	Tham gia	111 - 182	2479/QĐ-HVQY
3	Sổ tay cấp cứu đầu tiên	HD	NXB QĐND 2019	19	Tham gia	80 - 83	2479/QĐ-HVQY

4	Ghép màng ối trong điều trị bệnh lý bề mặt nhãn cầu	CK	NXB Y học, 2020	1	Chủ biên	1 - 254	2479/QĐ-HVQY
---	---	----	-----------------	---	----------	---------	--------------

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 01 (số TT 04).

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi bảo vệ luận án Tiến sỹ					
1	Nghiên cứu sử dụng huyết thanh tự thân dạng rô điều trị khô mắt mức độ trung bình và nặng	CN	Học viện Quân y	01/2012 – 12/2012	Ngày 31/10/2012 Xuất sắc
II Sau khi bảo vệ luận án Tiến sỹ					
2	Nghiên cứu hiệu quả điều trị cận thị của kính tiếp xúc cứng thấm khí chỉnh hình giác mạc đặt ban đêm	CN	Học viện Quân y	01/2015 – 12/2015	Ngày 11/01/2017 Xuất sắc
3	Nghiên cứu phương pháp ghép màng ối theo phương pháp thay thế (inlay) trong giai đoạn cấp điều trị bong mắt do hóa chất mức độ nặng	CN	Học viện Quân y	01/2017 – 12/2017	Ngày 11/01/2018 Xuất sắc
4	Nghiên cứu biến đổi độ dày giác mạc trên bệnh nhân cận thị điều trị bằng kính tiếp xúc cứng Ortho - K	CN	Học viện Quân y	01/2018 – 12/2018	Ngày 01/02/1019 Xuất sắc
5	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị bệnh glôcôm góc đóng nguyên phát cấp tính tại khu vực Hà Nội	Đồng CN	01C-08 Thành phố Hà Nội	08/2017 – nay	Chưa nghiệm thu

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I	Trước khi bảo vệ luận án Tiến sỹ							
1	Nghiên cứu phương pháp ghép màng ối điều trị loét Mooren	02	X	Tạp chí Nhân khoa Việt Nam			Số 9, 74 - 81	2007
2	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm với chế độ hyper pulse	01	X	Tạp chí Y học Quân sự/1859 - 1655			Số CĐ7, 69 - 73, 96	2010
3	Amniotic membrane transplanted for Mooren's ulcer	02	X	Clinical & Experimental Ophthalmology /1442-6404	ISI (IF 1,977) SCOPUS (Q1) doi: 10.1111/j.1442-9071.2010.02479.x	9	39, 5, 386 - 392	2011
4	Nghiên cứu sử dụng huyết thanh tự thân dạng TMG điều trị khô mắt mức độ trung bình và nặng	01	X	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			37,7, 145-150	2012
5	Hai trường hợp ghép giác mạc xuyên với mảnh ghép lấy từ bệnh nhân chết não tại Bệnh viện 103	02	X	Tạp chí Y học Quân sự/1859 - 1655			281, 138 - 142	2012

6	Kết quả bước đầu sử dụng tấm biểu mô cuống rốn nuôi cấy điều trị loét giác khó hàn gắn	03	X	Tạp chí Nhân khoa Việt Nam			29, 16 - 23	2012
7	Khảo sát tình hình tật khúc xạ ở học viên dài hạn Học viện Quân y	02	X	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			37,8, 152 - 159	2012
8	Nghiên cứu đặc điểm loét giác mạc khó hàn gắn được điều trị tại Khoa Kết giác mạc, Bệnh viện Mắt Trung ương năm 2011	02	X	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			38, 6, 138 - 145	2013
9	Nghiên cứu sử dụng tấm biểu mô cuống rốn nuôi cấy điều trị loét giác mạc khó hàn gắn	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			405, số ĐB, 93 - 100	2013
10	Tiềm năng ứng dụng biểu mô cuống rốn nuôi cấy trong bệnh lý bề mặt nhãn cầu	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			414, 1, 1 - 6	2014
II Sau khi bảo vệ luận án Tiến sỹ								
11	Nghiên cứu ứng dụng máy phóng đại video cầm tay trợ thị nhìn gần cho người khiếm thị	02		Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			40, 6, 155-160	2015
12	Đánh giá hiệu quả bước đầu đặt kính tiếp xúc chỉnh hình giác mạc ban đêm điều trị cận thị	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			436, 2, 108 - 113	2015
13	Đánh giá biên độ điều tiết trên mắt cận thị	03	X	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			41, 9, 184 - 189	2016
14	Đánh giá góc tiền phòng bằng máy OCT RTvue	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			443, 2, 63 - 70	2016

15	Nghiên cứu phối hợp laser frequency double Nd: YAG và Q-switched Nd: YAG trong cắt mộng mắt chu biên	02	X	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			42, 4, 214 - 221	2017
16	Đánh giá sự biến đổi góc tiền phòng sau laser mộng mắt chu biên bằng máy OCT RTVUE 100	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			455, 2, 183 - 188	2017
17	Nghiên cứu biến đổi của độ dày giác mạc bằng máy OCT RTVUE trên mắt đặt kính Ortho-K	03	X	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			42, Số CĐ, 636 - 643	2017
18	Đánh giá những yếu tố gây loạn thị giác mạc sau ghép giác mạc xuyên	03		Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			465, 1, 19 - 22	2018
19	Đánh giá kết quả phẫu thuật ghép màng ối trong giai đoạn cấp tính điều trị bong hóa chất mức độ nặng	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			465, 1, 68 - 72	2018
20	Đánh giá hiệu quả của thuốc Azarga trong điều trị glacom góc mở	04		Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			465, 1, 156 - 160	2018
21	Nghiên cứu hiệu quả kiểm soát tiến triển cận thị trên bệnh nhân đặt kính Ortho-K	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			465, 2, 26 - 30	2018
22	Đánh giá tình trạng khúc xạ giác mạc sau ghép giác mạc xuyên	03		Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			465, 2, 83 - 87	2018
23	Phẫu thuật ghép giác mạc nội mô điều trị hội chứng mộng mắt giác mạc nội mô: kết quả, biến chứng	03		Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			466, 2, 61 - 65	2018

24	Vai trò của phẫu thuật rửa mắt tiền phòng trong chẩn đoán và điều trị loét giác mạc	04		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ 1859 - 2872			13, 3, 71 - 76	2018
25	Dirofilariasis in Vietnam: A case report and brief review	04		Tropical Biomedicine/ 2521 - 9855	ISI, (IF 0,719) SCOPUS (Q4)		36, 2, 475 - 481	2019
26	Tissue-cultured human cord lining epithelial cells in treatment of persistent corneal epithelial defect	09	X	Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences/ 1857 - 9655	SCOPUS, (Q3) doi: 10.3889/oamjms.2019.372		7, 24, 4266 - 4271	2019
27	Penetrating keratoplasty for keratoconus in Vietnamese patients	09		Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences/ 1857 - 9655	SCOPUS, (Q3) doi: 10.3889/oamjms.2019.376		7, 24, 4287 - 4291	2019
28	Evaluation of phacoemulsification cataract surgery outcomes after penetrating keratoplasty	08	X	Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences/ 1857 - 9655	SCOPUS, (Q3) doi: 10.3889/oamjms.2019.379		7, 24, 4301 - 4305	2019
29	Clinical characteristics and histopathology of idiopathic epiretinal membrane in Vietnam	09	X	Open Access Macedonian Journal of Medical Sciences/ 1857 - 9655	SCOPUS, (Q3) doi: 10.3889/oamjms.2019.384		7, 24, 4324 - 4328	2019
30	Đặc điểm lâm sàng và nguyên nhân loét giác mạc nhiễm trùng do kính tiếp xúc	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			484, 2, 166 - 170	2019
31	Đánh giá hậu quả lâu dài của bệnh nhân loét giác mạc	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			485, 1+2, 67 - 71	2019
32	Đánh giá hiệu quả tiêm nội nhãn Bevacizumab điều trị phù hoàng điểm	01	X	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ 1859 - 2872			15, 2, 112 - 118	2020

	do đái tháo đường tại Bệnh viện Quân Y 103							
33	Đánh giá hiệu quả của phẫu thuật gọt giác mạc điều trị bệnh thoái hoá giác mạc dải băng	02		Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ 1859 - 2872			15, 2, 123 - 128	2020
34	Nghiên cứu quan sát đặc trưng lâm sàng của bệnh nhân glôcôm góc đóng nguyên phát cấp tính	04	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			488, 1, 174 - 178	2020
35	Đánh giá kết quả ghép màng ối điều trị loét giác mạc khó hàn gắn từ 2009 – 2018 tại Bệnh viện Quân Y 103	01	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			488, 1, 204 - 209	2020
36	Nghiên cứu ghép màng ối điều trị loét giác mạc thủng và dọa thủng	02	X	Tạp chí Y học thực hành/ 1859 - 1663			65, 4(1130), 41 - 45	2020
37	Đánh giá hiệu quả của huyết thanh tự thân tra mắt điều trị tổn thương biểu mô giác mạc khó hàn gắn	02		Tạp chí Y học thực hành/ 1859 - 1663			65, 4(1130), 61 - 64	2020
38	Nghiên cứu hiệu quả ghép màng ối điều trị mộng thị tái phát	02	X	Tạp chí Y học Quân sự/1859 - 1655			343, 26 - 30	2020
39	Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả điều trị tổn thương biểu mô giác mạc kéo dài bằng huyết thanh tự thân	02		Tạp chí Y học Quân sự/1859 - 1655			343, 31 - 35	2020
40	Nghiên cứu đặc điểm phù hoàng điểm trên chụp cắt lớp võng mạc ở bệnh nhân đái tháo đường tít 2 tại Bệnh viện Quân Y 103	02	X	Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			45, 3, 15 - 22	2020

41	Nghiên cứu chức năng thị giác lập thể của sinh viên Học viện Quân y	02		Tạp chí Y Dược học Quân sự/ 1859-0748			45, 3, 89 – 95	2020
42	So sánh phẫu thuật Phaco phối hợp tách dính góc tiền phòng với Phaco phối hợp cắt bè điều trị glôcôm góc đóng nguyên phát cấp tính có đục thể thủy tinh	02	X	Tạp chí Y học thực hành/ 1859 - 1663			65, 5(1133), 100 - 104	2020
43	Một số yếu tố ảnh hưởng đến thời gian liền biểu mô ở mắt loét giác mạc khó hàn gắn được điều trị ghép màng ối thay thế	02	X	Tạp chí Y Dược lâm sàng 108/ 1859 - 2872			15, 4, 84 - 91	2020
44	Đặc điểm đứt lệ quản do chấn thương và kết quả điều trị tại Bệnh viện Quân y 103	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			491, 1, 232 - 227	2020
45	Nghiên cứu ghép màng ối điều trị dính mi cầu tại Bệnh viện Quân y 103	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam/ 1859 - 1868			491, 1, 269 - 274	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 03 (số TT 26, 28, 29)

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả

I Trước khi bảo vệ luận án Tiến sỹ				
1	Giải ba Hội nghị khoa học tuổi trẻ các trường đại học Y dược Việt Nam lần thứ XVI	Ban chấp hành trung ương đoàn TNCS Hồ chí Minh	Số 289/QĐ/TUĐTN ngày 07/5/2012	1
II Sau khi bảo vệ luận án Tiến sỹ				
2	Sáng kiến Bộ quốc phòng: xếp loại III	Bộ Quốc phòng	Quyết định số 5938/QĐ-BQP ngày 18/12/2019	2
3	Giải khuyến khích Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật toàn quốc lần thứ 15	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam	Quyết định số 1365/QĐ-LHHVN ngày 30/12/2019	2

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 02

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo Đại học:

+ Chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa Quân y ban hành kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-HVQY ngày 18/5/2016 của Giám đốc Học viện Quân y.

+ Chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa hệ dân sự ban hành kèm theo Quyết định số 3839/QĐ-HVQY ngày 31/12/2015 của Giám đốc Học viện Quân y.

- Chương trình đào tạo Sau đại học:

+ Tham gia xây dựng chương trình đào tạo bác sĩ nội trú tiên tiến chuyên ngành Nhân khoa ban hành kèm theo Quyết định số 4337/QĐ-HVQY ngày 16/11/2018 của Giám đốc Học viện Quân y.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy
- + Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- + Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:
- + Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
- + Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
- Không đủ số CTKH là tác giả chính:
- + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH
- Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:
- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH
- Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(* Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đình Ngân